

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BIHC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BIHC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIHC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIHC.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108310247

3. Ngày thành lập: 05/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3, ngõ 6/41 phố Trần Quốc Hoàn, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
2.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
3.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
4.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: - Khai thác và chuẩn bị khai thác quặng bôxít; - Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi;	0722
5.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
6.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: - Hoạt động khai thác mỏ để sản xuất ra các loại đá phục vụ việc xây dựng, cho điêu khắc ở dạng thô đã được đẽo gọt sơ bộ hoặc cưa cắt tại nơi khai thác đá như: đá phiến cẩm thạch, đá granit, sa thạch; - Hoạt động chẻ, đập vỡ đá để làm nguyên liệu thô cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đường; - Hoạt động khai thác đá phần làm vật liệu chịu lửa; - Hoạt động đập vỡ, nghiền đá; - Hoạt động khai thác cát, khai thác sỏi để phục vụ cho xây dựng và sản xuất vật liệu; - Hoạt động khai thác cát phục vụ cho xây dựng; - Hoạt động khai thác đất sét, cao lanh; - Hoạt động khai thác đất sét làm vật liệu chịu lửa, làm đồ gốm;	0810
7.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

8.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
10.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
11.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
12.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
13.	Đúc kim loại màu	2432
14.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16.	Sản xuất xe có động cơ	2910
17.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
18.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
19.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
20.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
21.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
22.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
23.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
24.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
25.	Thu gom rác thải độc hại	3812
26.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
27.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
28.	Tái chế phế liệu	3830
29.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
30.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;	4210
31.	Xây dựng công trình công ích	4220
32.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
33.	Phá dỡ	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
38.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá) Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng;	4511
39.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
40.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4513

41.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4530
43.	Bán mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4541
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4543
45.	Đại lý, môi giới, đầu giá (trừ đầu giá) Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;	4610
46.	Bán buôn gạo	4631
47.	Bán buôn thực phẩm	4632
48.	Bán buôn đồ uống	4633
49.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: - Bán buôn vải: vải chống cháy - Bán buôn hàng may mặc	4641
50.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
51.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
52.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
53.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	4659
56.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; - Bán buôn dầu thô; - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;	4661

57.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu; - Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; - Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu; - Bán buôn vàng và kim loại quý khác; - Bán buôn quặng đồng, chì, nhôm, kẽm và quặng kim loại màu khác; - Bán buôn sắt, thép;	4662
58.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, gói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;	4663
59.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;	4669
60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
61.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
62.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
64.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
65.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
66.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
67.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
68.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: - Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; - Hoạt động hoả tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến;	5222

70.	Bốc xếp hàng hóa	5224
71.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510
72.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;	5610
73.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán rượu, bia (trừ quầy bar);	5630
74.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
75.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
76.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;	7410
77.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô;	7710
78.	Đại lý du lịch	7911
79.	Điều hành tua du lịch	7912
80.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: (trừ đấu giá) - Xuất, nhập khẩu các mặt hàng do công ty kinh doanh; - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.	8299

6. Vốn điều lệ: 68.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ DIỆU HƯƠNG	128 Phan Đăng Lưu, Thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.856.000	28.560.000.000	42,000	001186014607	
			Tổng số	2.856.000	28.560.000.000	42,000		

2	NGUYỄN THỊ CHÂU	Số 726 Trường Chinh, Phường Quán Trữ, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.768.000	17.680.000.000	26,000	030756186	
			Tổng số	1.768.000	17.680.000.000	26,000		
3	CHU THỊ BÍCH HOÀN	Số 67 Phạm Tử Nghi, tổ 1, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.176.000	21.760.000.000	32,000	030899290	
			Tổng số	2.176.000	21.760.000.000	32,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CHU THỊ BÍCH HOÀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 16/11/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 030899290

Ngày cấp: 02/04/2014

Nơi cấp: Công an Hải Phòng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 67 Phạm Tử Nghi, tổ 1, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 67 Phạm Tử Nghi, tổ 1, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội